SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TTYT KHU VỰC PHƯỚC LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 367 /QĐ-TTYT

Phước Long, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua sắm hóa chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân, khám tuyển nghĩa vụ quân sự và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Phước Long năm 2026

GIÁM ĐỐC TTYT KHU VỰC PHƯỚC LONG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15, ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15, ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT ngày 17/11/2025 của Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Trung tâm Y tế khu vực Phước Long;

Căn cứ vào Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 11/06/2026 về việc Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, chi phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch; thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai;

Căn cứ vào Quyết định số 712/QĐ-SYT ngày 27/08/2026 về việc giao nhiệm vụ phụ trách, điều hành hoạt động của Trung tâm Y tế khu vực Phước Long;

Căn cứ vào Quyết định số 365/QĐ-TTYT ngày 09/11/2026 của Trung tâm y tế về việc phê duyệt chủ trương thực hiện gói thầu Mua sắm hóa chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân, khám tuyển nghĩa vụ quân sự và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Phước Long năm 2026;

Xét đề nghị của Tổ đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua sắm hóa chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân, khám tuyển nghĩa vụ quân sự và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Phước Long năm 2026 gồm 25 mặt hàng hóa chất và sinh phẩm y tế với tổng giá trị gói thầu là: **415.876.**600 đồng (Số tiền bằng chữ: Bốn trăm mười lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng); nội dung chi tiết tạo Phụ lục 1 và Phục lục 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ đấu thầu, khoa Dược, vật tư – Thiết bị y tế, phòng Tài chính Kế toán căn cứ Điều 1 của Quyết định này tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành. Giao Tổ đấu thầu phối hợp khoa Dược, vật tư – Thiết bị y tế để phân phần/ lô phù hợp nhu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao các ông(bà) Phó Giám đốc, khoa Dược, vật tư – Thiết bị y tế, phòng Tài chính kế toán và trưởng các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- SYT (BC)
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC PHƯỚC LONG

Ths.Ds. Mai Thị Thu Thúy

PHỤ LỤC 1

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân, khám tuyển nghĩa vụ quân sự và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Phước Long năm 2026

(Đính kèm Quyết định số: 367/QĐ-TTYT ngày 10/11/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Phước Long)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Trung tâm Y tế khu vực Phước Long	Mua sắm hóa chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân, khám tuyển nghĩa vụ quân sự và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Phước Long năm 2026	Mua sắm hóa chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân, khám tuyển nghĩa vụ quân sự và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Phước Long năm 2026	415.876.600	Nguồn thu sự nghiệp của Trung tâm Y tế	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý IV năm 2026	Tháng 11/ 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	45 ngày	Không áp dụng
Tổng giá trị gói thầu				**415.876.600**								

PHỤ LỤC 2

Danh mục, số lượng và giá kế hoạch hóa chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân, khám tuyển nghĩa vụ quân sự và hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Phước Long năm 2026

(Đính kèm Quyết định số: 367 /QĐ-TTYT ngày 10/11/2026 của Trung tâm y tế khu vực Phước Long)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Qui cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	**Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Dymind DH615**										**234.969.000**
1	Hóa chất pha loãng	ml	DIL_N	Hematology Analyzer Diluent	Shenzhen Dymind Biotechnology Co., Ltd/	Trung Quốc	- Hóa chất pha loãng dành cho máy phân tích huyết học, dùng để pha loãng mẫu và chuẩn bị huyền phù tế bào trước khi phân tích mẫu. - Dung dịch trong, không có cặn, hạt hay kết tủa. Giá trị pH: 7.30±0.20 - Đếm hạt: thể tích hạt ≥ 2,5 fL, số lượng hạt ≤ $2,5\times10^5$/L - Nguyên lý: Sản phẩm là dung dịch có nồng độ ion và độ dẫn điện nhất định, có tác dụng pha loãng máu, tạo dòng bao quanh (sheath flow) và cung cấp môi trường ổn định cho quá trình đếm tế bào máu. - Độ đúng: WBC ±7.5%, RBC ±3.0%, HGB ±3.5%, MCV/HCT±3.0%, PLT±12.5% - Thành phần: Sodium chloride, sodium sulfate, buffer, chất kháng khuẩn và chất bảo quản. - Bảo quản: Sản phẩm có thể được bảo quản ổn định trong 2 năm ở nhiệt độ 2°C–30°C. Sau khi mở nắp lần đầu, sản phẩm ổn định trong 60 ngày ở nhiệt độ 15°C–32°C. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE.Quy cách: 20L/Thùng	Thùng/ 20 Lít	600.000	126	75.600.000
2	Hóa chất ly giải	ml	LYN-G	Hematology Analyzer Lyse	Shenzhen Dymind Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	"- Hóa chất ly giải dành cho máy phân tích huyết học, được sử dụng để phá hủy hồng cầu, giải phóng hemoglobin và duy trì hình dạng của các tế bào cần phân tích trước khi tiến hành xét nghiệm huyết học, qua đó hỗ trợ việc phân biệt tế bào hoặc định lượng hemoglobin. - Dung dịch trong suốt, không có cặn, hạt hoặc kết tủa. - Giá trị nền: WBC≤0.1×10^9/L, HGB≤1 g/L. Giá trị pH: 2.20±0.20 - Bước sóng hấp thụ cực đại: (539±10) nm - Nguyên lý: Sản phẩm xác định hàm lượng	Chai/500ml	4.000	5.460	21.840.000

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Qui cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
							hemoglobin và đếm tổng số bạch cầu bằng cách ly giải hồng cầu và kết hợp với hemoglobin được giải phóng để tạo thành các hợp chất ổn định. - Thành phần: surfactant, buffer và antibacterial agent - Độ đúng: WBC ±7.5%, HGB ±3.5% - Bảo quản: Sản phẩm có thể được bảo quản ổn định trong 2 năm ở nhiệt độ 2°C–30°C. Sau khi mở nắp lần đầu, sản phẩm ổn định trong 60 ngày ở nhiệt độ 15°C–32°C. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE.. Quy cách: 500 mL/Chai				
3	Hóa chất ly giải bách phân bạch cầu	ml	LYN-D	Hematology Analyzer Lyse	Shenzhen Dymind Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	"- Hóa chất ly giải dành cho máy phân tích huyết học, được sử dụng để phá hủy hồng cầu, ly giải hemoglobin và duy trì hình dạng của các tế bào cần xét nghiệm trước khi phân tích tế bào máu, qua đó hỗ trợ phân biệt tế bào hoặc định lượng hemoglobin. - Dung dịch trong suốt, không có cặn, hạt hoặc kết tủa. Giá trị pH: 6,00 ± 0,20 - Nguyên lý: sản phẩm hỗ trợ quá trình nhuộm acid nucleic của các tế bào có nhân bằng thuốc nhuộm FDN-D thông qua việc ly giải hồng cầu và xử lý bạch cầu ở một mức độ nhất định, từ đó tạo điều kiện cho việc phân loại bạch cầu. - Thành phần: surfactant, buffer và antibacterial agent - Bảo quản: Sản phẩm có thể được bảo quản ổn định trong 2 năm ở nhiệt độ 2°C–30°C. Sau khi mở nắp lần đầu, sản phẩm ổn định trong 60 ngày ở nhiệt độ 15°C–32°C. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE.Quy cách: 1L/Chai	Chai/1000ml	15.000	4.725	70.875.000
4	Hóa chất nhuộm	ml	FDN-D DYE	FDN-D DYE	Shenzhen Dymind Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	" - Hóa chất nhuộm dành cho máy phân tích huyết học, được sử dụng để nhuộm tế bào máu nhằm quan sát hình thái và cấu trúc của tế bào, từ đó giúp máy phân tích huyết học thực hiện phân loại tế bào máu. - Dung dịch trong suốt màu xanh, không có cặn, hạt hoặc kết tủa. - Nguyên lý: Sản phẩm được sử dụng kết hợp với dung dịch lyse (LYN-D) để thực hiện phân loại bạch cầu thông qua việc ly giải hồng cầu, làm thay đổi hình thái bạch cầu và nhuộm acid nucleic. - Bước sóng hấp thụ cực đại: (635 ± 10) nm	Lọ/22ml	198	189.000	37.422.000

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Qui cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
							- Giá trị hấp thụ: 0,509 ± 0,0509 - Thành phần: nucleic acid fluorescent dye, isopropanol và ethylene glycol - Bảo quản: Sản phẩm có thể được bảo quản ổn định trong 1 năm ở nhiệt độ 2°C ~ 30°C và tránh ánh sáng. Sau khi mở nắp lần đầu, sản phẩm có thể sử dụng ổn định trong 90 ngày ở nhiệt độ 15°C ~ 32°C. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE.Quy cách: 22 mL/Lọ				
5	Hóa chất rửa	ml	CLE-P	Cleanser	Shenzhen Dymind Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	"- Hóa chất rửa có tính kiềm dùng để vệ sinh định kỳ thiết bị và rửa đầu dò cũng như hệ thống ống dẫn bên trong máy. Nguyên lý: Sản phẩm là dung dịch kiềm mạnh, có khả năng làm sạch hiệu quả các thành phần máu còn sót lại (protein lắng đọng,...) và các hạt khác ảnh hưởng đến kết quả đếm tế bào máu. - Thành phần: Surface active agent (Tween 20), Sodium hypochlorite (NaClO), Sodium hydroxide (NaOH) - Dung dịch trong suốt hoặc vàng nhạt, không có cặn, hạt hay kết tủa.. Giá trị pH: 12,90 ± 0,30 - Bảo quản: Sản phẩm có thể được bảo quản ổn định trong 2 năm ở nhiệt độ 2°C–30°C. Sau khi mở nắp lần đầu, sản phẩm có thể sử dụng ổn định trong 60 ngày ở nhiệt độ 15°C–32°C. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016,CE.Quy cách: 4 mLx10/Hộp	Hộp/10 x4ml	120	23.100	2.772.000
6	Hóa chất kiểm chuẩn	ml	DM-6D	Hematology Control	Shenzhen Dymind Biotechnology Co., Ltd	Trung Quốc	- Hóa chất kiểm chuẩn được sử dụng trong kiểm soát chất lượng của các máy phân tích huyết học tự động, nhằm theo dõi và đánh giá độ lặp lại kết quả xét nghiệm của máy phân tích gồm các thông số: WBC, Neu#, Lym#, Mon#, Eos#, Bas#, IG#, Neu%, Lym%, Mon%, Eos%, Bas%, IG%, NRBC#, NRBC%, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-CV, RDW-SD, PLT, MPV, MPV, PCT, IPF, P-LCR, P-LCC, WBC-D, RBC-O, PLT-O. - Nguyên lý: Chất kiểm soát chứa nhiều hạt nhỏ có nguồn gốc động vật, có đặc tính tương tự như bạch cầu, hồng cầu và tiểu cầu trong máu người. Những hạt này có thể mô phỏng chính xác máu người và giám sát trạng thái hoạt động của máy phân tích khi được thử nghiệm trên máy.	Hộp/1x 3ml(L) +1x3ml (N)+1x 3ml(H)	36	735.000	26.460.000

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Qui cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
							- Thành phần: simulated leukocytes, simulated erythrocytes, simulated platelets, chất ổn định và chất bảo quản. - Độ đồng nhất bên trong lọ: CV ≤3.0 % (WBC), CV ≤2.0 % (RBC), CV ≤2.0 % (HGB), CV ≤2.0 % (HCT), CV ≤1.0 % (MCV), CV ≤8.0 % (PLT). - Độ đồng nhất giữa các lọ: CV ≤2.5 % (WBC), CV ≤1.0 % (RBC), CV ≤1.0 % (HGB), CV ≤1.0 % (HCT), CV ≤1.0 % (MCV), CV ≤4.0 % (PLT). - Bảo quản: Sản phẩm có thể được bảo quản ổn định trong 90 ngày ở nhiệt độ 2°C–8°C. Sau khi mở nắp, sản phẩm ổn định trong 14 ngày nếu bảo quản vị trí đứng ở nhiệt độ 2°C–8°C. Tránh rung mạnh và đông lạnh sản phẩm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE. Quy cách: 3 mL (H) ×1+3 mL (N) ×1 +3 mL (L) ×1/Hộp				
II	**Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa tự động Erba XL-200**										**43.514.500**
1	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ đường huyết trong máu	ml	XSY S0012	GLU 440	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose trong máu - Thành Phần: Phosphate buffer 250mmol/l; Glucose oxidase >25U/ml; Peroxidase >2U/ml; Phenol 5mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.5mmol/l; measuring range 2.34–450mg/dl Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp: 10 lọ x 44ml	2.640	2.500	6.600.000
2	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Creatinin trong máu	ml	XSY S0024	CREA 275	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinin trong máu Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l. R2: Picric Acid: 26 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 0.08 - 18 mg/dl Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485,	Hộp (R1 5x44ml, R2 5x11ml)	2.475	2.800	6.930.000
3	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Ure trong máu	ml	XSY S0020	UREA 275	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urea trong máu Thành phần: R1: Tris Buffer 100 mmol/l α-Ketoglutarate 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean) ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism) ≥ 3.8 KU/l R2: NADH 1.66 mmol/l. '- Measuring range (phạm vi đo): 11.5-300 mg/dl. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp (R1 5x44ml, R2 5x11ml)	1.375	4.300	5.912.500
4	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng	ml	XSY S0016	AST/GOT 330	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST trong máu hành phần: R1: Tris Buffer (pH 7.8) 110 mmol/l L-	R1: 6 lọ x 44ml;	1.320	4.700	6.204.000

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Qui cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	độ men AST/GOT trong máu						Aspartic acid 340 mmol/l LDH ≥ 4000 U/l MDH ≥ 750 U/l R2: CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol /l NADH 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 3.84-390 U/l Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	R2: 6 lọ x 11ml			
5	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men ALT/GPT trong máu	ml	XSY S0017	ALT/GPT 330	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Hóa chất dùng xét nghiệm định lượng ALT trong máu Thành phần: R1: Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l L-Alanine 709 mmol/l LDH (microbial) ≥ 2000 U/l R2: CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol /l NADH 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 4.4-360 U/l Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485,	R1: 6 lọ x 44ml; R2: 6 lọ x 11ml	1.320	4.700	6.204.000
6	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Triglycerid trong máu	ml	XSY S0041	TG 440	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Hóa chất dùng xét nghiệm định lượng Triglycerid trong máu Thành phần: Good's buffer (pH 7,2): 50 mmol/l 4-Chlorophenol: 4 mmol/l Mg 2+ : 15 mmol/l ATP: 2 mmol/l Glycerolkinase ≥ 0,4 KU/l Peroxidase ≥ 2,0 KU/l Lipoproteinlipase ≥ 2,0 KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0,5 KU/l 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): 9.74 – 1062 mg/dl Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp/10 x44ml	440	7.500	3.300.000
7	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ HDL-Cholesterol trong máu	ml	XSY S0043	HDL C 160	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Hóa chất dùng xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol trong máu Thành phần: R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline 3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l MgCl2 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l Cholesterol esterase 5 kU/l Cholesterol oxidase 20 kU/l Peroxidase 5 kU/l 4-aminoantipyrine 0.9 g/l Detergent 0.5 % Measuring range (phạm vi đo): 1.90 – 193 mg/dl Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp/R1 4x30ml + R2 4x10ml	160	30.000	4.800.000
8	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ Albumin trong máu	ml	XSY S0001	ALB 440	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Định lượng Albumin trong huyết tương, huyết thanh.Thành phần: - Bromocresol green: 0,21 mmol/l - Succinate buffer: 100 mmol/l - Sodium Azide: 0,5 g/l.	Hộp/10 x44ml	440	1.800	792.000
9	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ men GGT trong máu	ml	XSY S0011	GGT 110	Erba Lachema S.R.O	Cộng hoà Séc	Hóa chất dùng xét nghiệm nồng độ ggt trong máu Thành phần: Tris buffer (pH 8,25) 125 mmol/l. Glycyl Glycine 125 mmol/l L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp (R1 2x44ml , R2	330	8.400	2.772.000

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Qui cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
								2x11ml)			
III	**SINH PHẨM Y TẾ**										**137.393.100**
1	Thuốc thử định nhóm máu hệ ABO (Anti A)	ml	810001	Anti A (IgM)	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics; Ai Cập	Ai Cập	Thuốc thử định nhóm máu hệ A Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%, độ chính xác 100%. Đạt chứng nhận ISO. Quy cách : Lọ /10ml	Lọ/10ml	30	15.600	468.000
2	Thuốc thử định nhóm máu hệ ABO (Anti B)	ml	814001	Anti B (IgM)	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics; Ai Cập	Ai Cập	Thuốc thử định nhóm máu hệ B Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%, độ chính xác 100%. Đạt chứng nhận ISO.Quy cách : Lọ /10ml	Lọ/10ml	30	15.600	468.000
3	Thuốc thử định nhóm máu hệ ABO (AntiAB)	ml	816001	Anti AB (IgM)	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics; Ai Cập	Ai Cập	Thuốc thử định nhóm máu hệ AB Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%, độ chính xác 100%.Đạt chứng nhận ISO.Quy cách : Lọ /10ml	Lọ/10ml	30	15.600	468.000
4	Thuốc thử định nhóm máu hệ Rhesus (Anti D)	ml	822001	Anti D (IgM - IgG)	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics; Ai Cập	Ai Cập	Thuốc thử định nhóm máu hệ D Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%, độ chính xác 100%. Đạt chứng nhận ISO. Quy cách : Lọ /10ml	Lọ/10ml	30	28.970	869.100

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Qui cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
5	Test nhanh chẩn đoán viêm gan siêu vi B	Test	OEM 06-HBS01-01	HBsAg Test	Koshbio	Ấn Độ	Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. - Độ nhạy tương quan: : 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.7% - Độ chính xác tương quan: 99,8%Đạt chứng nhận ISO&FSC. Hộp/ 25 Test	Hộp/25 Test	800	12.000	9.600.000
6	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Test	ITP01102-DS50	Rapid Anti-HCV Test	InTec Products, Inc	Trung Quốc	Que thử xét nghiệm miễn dịch định tính, kỹ thuật màng và kháng nguyên kép để phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Độ chính xác tương quan: 99.5% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Đạt chứng nhận ISO&FSC. Hộp/ 25 Test	Hộp/25 Test	500	11.440	5.720.000
7	Test ma túy 5 chân(MOP/COD/AMP/THC/HER)	Test	MD - U55 (MOP/COD/HER/THC/AMP)	Multi-drug Urine Test Panel MD-U55 (MOP/COD/HER/THC/AMP)	Assure Tech. (Hangzhou) Co., Ltd/ Trung Quốc	Trung Quốc	"-là xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính và đồng thời các loại chất gây nghiện (AMP, COD, HER, MOP, THC) dưới dạng các phức hợp khác nhau có trong nước tiểu ở người. -Mẫu phẩm: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: AMP: 300ng/mL, COD: 200ng/mL, HER: 10ng/mL, MOR: 300ng/mL, THC: 50ng/mL - Độ nhạy, Độ đặc hiệu, Độ chính xác lần lượt như sau: + AMP: 100%; ≥99.9%; ≥ 99.9% + COD: ≥ 99.9%; 100%; 100% + HER: ≥ 99.9%; 100%; ≥ 99.9% + MOP: 100%; ≥ 99.9%; ≥ 99.9% + THC: 100%; 100%; 100% -Hiệu suất tại điểm giới hạn không bị ảnh hưởng khi phạm vi pH từ 4 đến 9, phạm vi trọng lượng riêng của mẫu nước tiểu ở gần 1,000-1,045. -Không phản ứng chéo khi thử nghiệm ở nồng độ 100µg/ml với: Ephedrine,Chlorpheniramine, Oxalic Acid, Naproxen, Creatine, Penicillin-G, Ephedrine, Dextromethorphan.. - Độ ổn định bảo quản 2-30°C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Quy cách: Hộp /25 Test	Hộp/25 Test	1.000	39.600	39.600.000

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Qui cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
8	Que thử nước tiểu 10 thông số (Acon)	Test	U031 -101	Que thử phân tích nước tiểu 10 thông số	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	Trung Quốc	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Dạng que. Hạn dùng: 24 tháng/ 3 tháng sau khi mở nắp hộp. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA. Quy cách: 100 Test/ Hộp	Hộp/100 Test	3.500	3.200	11.200.000
9	Latex PCR / CRP Direct Latex (CRP Định tính)	Test	514002	CRP latex	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E)- Spectrum Diagnostics; Ai Cập	Ai Cập	Xét nghiệm phiến ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng C-Reactive Protein (CRP) của các bệnh viêm nhiễm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485. Quy cách: 100 Test/ kit	Hộp/100 Test	1.000	5.000	5.000.000
10	Test nhanh Dengue NS1Ag	Test	OEM 06-DNS 01-01	Dengue Antigen (NS-1) Test	Koshbio	Ấn Độ	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Dải nitrocellulose được phân phối trước kháng thể NS-1 chống sốt xuất huyết ở vùng vạch thử nghiệm ""T"" và IgG kháng thỏ/IgG của chuột ở dê ở vùng vạch kiểm soát ""C"" Độ nhạy >99.9% Độ đặc hiệu >99.9% Độ chính xác >99.9% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Quy cách: Hộp /25 Test	Hộp/25 Test	1.000	64.000	64.000.000
TỔNG CỘNG: 25 loại											**415.876.600**